

Số: /BC-SNV

Hà Tĩnh, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình chỉnh lý tài liệu tồn đọng tại các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2993/UBND-NC ngày 07/6/2022 về việc thực hiện chỉnh lý tài liệu tồn đọng tại các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu lưu trữ, ngày 18/10/2022, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 2003/SNV-CCHC&VTLT đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện (giao Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh đôn đốc, tổng hợp); trên cơ sở báo cáo của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh (Báo cáo số 170/BC-TTLTLS ngày 14/11/2022), Sở Nội vụ rà soát và báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈNH LÝ TÀI LIỆU (THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2916/QĐ-UBND NGÀY 01/10/2018 CỦA UBND TỈNH)

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai thực hiện chỉnh lý tài liệu; một số đơn vị đã ban hành văn bản đôn đốc các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện chỉnh lý tài liệu tại cơ quan, đơn vị mình. Kết quả cụ thể như sau:

- Từ năm 2019 đến nay (thời điểm báo cáo 30/10/2022), tổng số mét giá tài liệu tại các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh đã thực hiện chỉnh lý (theo Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh) là: **5.308,68** mét giá. Trong đó các cơ quan cấp tỉnh đã thực hiện chỉnh lý **2.973** mét giá; UBND huyện, thành phố, thị xã thực hiện chỉnh lý **2.335,68** mét giá.

- Tổng số tài liệu tồn đọng chưa được chỉnh lý tại các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh (theo Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh) là: **3.276,66** mét giá. Trong đó các cơ quan cấp tỉnh là: **860** mét giá; UBND huyện, thành phố, thị xã là: **2.416,66** mét giá. So với báo cáo số 01/BC-SNV ngày 07/01/2022 của Sở Nội vụ về kết quả thực hiện Quyết định số 2916/QĐ-UBND, tính đến ngày

30/10/2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chỉnh lý thêm được: 1.395,31 mét tài liệu.

(Có Phụ lục I gửi kèm).

II. TÀI LIỆU TỒN ĐỘNG HIỆN CÓ TẠI ĐƠN VỊ

Theo số liệu rà soát, báo cáo của các đơn vị, địa phương, ngoài số tài liệu tồn đọng chưa được chỉnh lý (theo Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh) tại Phụ lục I; tổng số tài liệu tồn đọng, tích đọng phát sinh trong quá trình giải quyết nhiệm vụ tại các đơn vị, địa phương là: **4.346,10** mét giá. Trong đó: tài liệu đã chỉnh lý sơ bộ: **1.044,57** mét giá; tài liệu rời lẻ: **3.301,53** mét giá.

(Có Phụ lục II gửi kèm).

III. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

- Công tác lưu trữ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được chú trọng hơn thời gian trước, một số cơ quan đã bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị bảo quản, giá đựng tài liệu, cặp hộp đựng hồ sơ theo đúng quy định, một số cơ quan, đơn vị đã bố trí phòng kho để bảo quản tài liệu (ví dụ như: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Nghi Xuân, Thạch Hà, ...).

- Theo số liệu báo cáo của đơn vị thì hiện nay nhiều đơn vị cơ bản chỉnh lý xong tài liệu tồn đọng theo Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh như: Sở Tư pháp, Đài Phát thanh - Truyền hình, Liên minh Hợp tác xã, Cục Quản lý thị trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thống kê, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Điện lực Hà Tĩnh, UBND huyện Cẩm Xuyên, UBND thị xã Kỳ Anh, UBND thành phố Hà Tĩnh...

2. Tồn tại, khó khăn

- Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động trong việc thực hiện chỉnh lý tài liệu tồn đọng hoặc triển khai nhưng tiến độ chậm, chưa tích cực đôn đốc các phòng, ban chuyên môn giao nộp tài liệu để chỉnh lý, một số cán bộ còn có tâm lý lo ngại khi bàn giao hồ sơ tài liệu để chỉnh lý.

- Một số huyện bố trí kinh phí cho công tác chỉnh lý còn hạn chế chưa đảm bảo yêu cầu của kế hoạch như: UBND huyện: Lộc Hà, Vũ Quang, Hương Khê, Can Lộc, UBND thị xã Hồng Lĩnh ...

- Một số đơn vị bố trí diện tích phòng, kho lưu trữ còn chật hẹp hoặc chưa bố trí phòng, kho lưu trữ để bảo quản hồ sơ, tài liệu, chưa đầu tư cơ sở vật chất, trang bị và các phương tiện để bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ của cơ quan theo quy định. Tài liệu khi đưa ra chỉnh lý có dấu hiệu xuống cấp trầm trọng: rách nát, ẩm mốc, mối mọt...

3. Nguyên nhân

- Công tác lưu trữ tại một số cơ quan đơn vị chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều cơ quan, tổ chức chưa xây dựng kế hoạch và tổ chức thu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; chưa tiến hành chỉnh lý và xác định giá trị tài liệu lưu trữ. Tình trạng tài liệu bó gói, tích đống tại các cơ quan, tổ chức còn khá nhiều, nguy cơ tài liệu lưu trữ bị hư hỏng, xuống cấp ngày càng cao; một số tài liệu không được bảo vệ, bảo quản, bị mối, mọt, côn trùng phá hoại, không có khả năng phục hồi.

- Kho Lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức được bố trí tạm thời, diện tích chật hẹp, trang thiết bị bảo quản tài liệu sơ sài, không đảm bảo các quy định của Nhà nước về bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ, dẫn đến công tác thu thập, bảo vệ tài liệu cũng gặp nhiều khó khăn.

4. Giải pháp

- Thực hiện nghiêm túc việc Lập hồ sơ công việc; giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử; bố trí ngân sách để xử lý dứt điểm khối tài liệu tồn đọng, tích đống; tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

- Tiếp tục nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hoạt động lưu trữ, đưa công tác lập hồ sơ công việc trở thành hoạt động chuyên môn, là tiêu chí để đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm.

- Tiếp tục kiểm tra công tác chỉnh lý tài liệu tại các cơ quan, đơn vị; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan lập hồ sơ điện tử, hướng tới thu nộp tài liệu điện tử vào Lưu trữ lịch sử.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lưu trữ, đặc biệt là ứng dụng vào việc lập và lưu hồ sơ điện tử, nhằm hướng tới lưu trữ điện tử, thu thập tài liệu điện tử vào Lưu trữ lịch sử.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước tiếp tục rà soát tham mưu Bộ Nội vụ ban hành văn bản chỉ đạo để chỉnh lý dứt điểm đối với tài liệu giấy và tham mưu xây dựng hướng dẫn nghiệp vụ chỉnh lý và thủ tục nộp lưu tài liệu điện tử vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử.

2. Đối với UBND tỉnh

- Tiếp tục quan tâm, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ bổ sung kinh phí xử lý tài liệu tích đọng, tồn đọng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trong toàn tỉnh nhằm hướng tới Lưu trữ tài liệu điện tử.

- Hiện nay, nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện quy định nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử, tuy nhiên diện tích Kho lưu trữ của tỉnh không đủ để đảm bảo tiếp nhận tài liệu từ các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu. Để thực hiện đúng quy định pháp luật về lưu trữ, kính đề nghị UBND tỉnh phê duyệt chủ trương xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh.

Trên đây là tổng hợp báo cáo tình hình chỉnh lý tài liệu tồn đọng tại các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu lưu trữ theo Công văn số 2993/UBND-NC ngày 07/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh biết và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (để biết);
- GD, các PGĐ Sở;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, CCHC-VTLT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Trường Sinh

Phụ lục I
KẾT QUẢ CHỈNH LÝ TÀI LIỆU THEO QUYẾT ĐỊNH 2916/QĐ-UBND
NGÀY 01/10/2018 CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /11/2022 của Sở Nội vụ)

TT	Đơn vị	Tổng số tài liệu phải chỉnh lý theo Kế hoạch 2916 (mét)	Tổng số tài liệu đã thực hiện chỉnh lý (mét)	Số tài liệu chưa chỉnh lý theo Kế hoạch 2916 (mét)	Ghi chú
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TỈNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN, CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC				
1	Văn phòng UBND tỉnh	95	85	10	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	455	391,33	63,67	
3	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	333,65	313,15	20,5	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	242,35	170,3	72,05	
5	Sở Xây dựng	231,35	163,2	68,15	
6	Sở Công thương	133,63	75,33	58,3	
7	Sở Y tế	43	0	43	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	52	27	25	
9	Sở Thông tin và Truyền thông	78	7	71	
10	Sở Nội vụ	113,3	57	56,3	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	152,7	152,7	50	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	223	205,7	17,3	
13	Sở Tư pháp	227,54	227,54	0	
14	Chi cục Kiểm lâm	192	186,2	5,8	
15	Chi cục Chăn nuôi Thú y	113	71,8	41,2	
16	Chi cục Phát triển nông thôn	105,27	98,27	7	
17	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	41	0	41	
18	Chi cục Thủy sản	22	0	22	
19	Chi cục Thủy lợi	50	0	50	
20	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	167,9	160,01	7,8	

TT	Đơn vị	Tổng số tài liệu phải chỉnh lý theo Kế hoạch 2916 (mét)	Tổng số tài liệu đã thực hiện chỉnh lý (mét)	Số tài liệu chưa chỉnh lý theo Kế hoạch 2916 (mét)	Ghi chú
21	Ban Quản lý mỏ sắt Thạch Khê	125,1	65,393	59,707	
22	Đài Phát thanh – Truyền hình	2,75	2,75	0	
23	Trường Cao đẳng Văn hóa, thể thao và Du lịch Nguyễn Du	9	6	3	
24	Trường Cao đẳng Nghề Việt Đức	4	2	2	
25	Trường Cao đẳng Y tế	19,8	15,1	4,7	
26	Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật	5	0,5	4,5	
27	Liên minh Hợp tác xã	1,75	1,75	0	
28	Hội Người mù tỉnh	1,8	0,8	1	
29	Kho bạc Nhà nước	47	47	0	
30	Cục Thuế tỉnh	110	74	36	
31	Cục Quản lý thị trường	5	5	0	
32	Cục Hải quan Hà Tĩnh	93,5	53	40,5	
33	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	42	42	0	
34	Cục Thống kê tỉnh	5	5	0	
35	Ngân hàng Nhà nước	39	39	0	
36	Điện lực Hà Tĩnh	175	175	0	
37	Bru điện	32	32	0	
38	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh	44	15	29	
Tổng cộng		3.833	2.973	860	
II	UBND CẤP HUYỆN				
1	UBND huyện Vũ Quang	353,5	104,8	248,7	
2	UBND huyện Đức Thọ	493	167,22	235,78	
3	UBND huyện Hương Sơn	81	81	0	
4	UBND huyện Hương Khê	883	325	558	
5	UBND thị xã Kỳ Anh	314	314	0	

TT	Đơn vị	Tổng số tài liệu phải chỉnh lý theo Kế hoạch 2916 (mét)	Tổng số tài liệu đã thực hiện chỉnh lý (mét)	Số tài liệu chưa chỉnh lý theo Kế hoạch 2916 (mét)	Ghi chú
6	UBND thành phố Hà Tĩnh	92,835	92,835	0	
7	UBND huyện Cẩm Xuyên	482	482	0	
8	UBND thị xã Hồng Lĩnh	269	50	219	
9	UBND huyện Can Lộc	291	47,07	243,93	
10	UBND huyện Thạch Hà	426	265,75	160,25	
11	UBND huyện Kỳ Anh	236	22	214	
12	UBND huyện Lộc Hà	488	84	404	
13	UBND huyện Nghi Xuân	342	299	43	
Tổng cộng		4.752,34	2.335,68	2.416,66	
Cộng chung (I + II)		8.585,34	5.308,68	3.276,66	

Phụ lục II
KẾT QUẢ RÀ SOÁT TÀI LIỆU TỒN ĐỘNG TÍCH ĐỒNG
TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /11/2022 của Sở Nội vụ)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số tài liệu tồn động bảo quản tại cơ quan, đơn vị	Chia ra		Năm tài liệu	Tình trạng tài liệu
			Đã chỉnh lý sơ bộ	Chưa chỉnh lý (tài liệu rời lẻ)		
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH					
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	111	32	79	2015-2022	Nguyên vẹn
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	22	18	4	2019-2022	Nguyên vẹn
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	182	120	62	2015-2022	TL sắp xếp trong cặp 3 dây
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	5	0	2017-2021	
5	Sở xây dựng	71	56	15	2009-2022	TL sắp xếp trong cặp 3 dây
6	Văn phòng UBND tỉnh	200	0	200	2018-2021	TL rời lẻ, bó gói
7	Sở Công thương	58,3	46,2	12,1	2019-2022	TL rời lẻ, bó gói
8	Sở Y tế	81	0	81	2009-2022	TL rời lẻ, bó gói
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25	0	25	2017-2022	TL bó gói, tích đồng
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17,3	17,3	0		TL sắp xếp trong cặp 3 dây

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số tài liệu tồn đọng bảo quản tại cơ quan, đơn vị	Chia ra		Năm tài liệu	Tình trạng tài liệu
			Đã chỉnh lý sơ bộ	Chưa chỉnh lý (tài liệu rời lẻ)		
11	Chi cục Kiểm lâm	5,8	5,8	0		TL sắp xếp trong cặp 3 dây
12	Chi cục Chăn nuôi Thú y	21,3	21,3	0	2016-2022	TL sắp xếp trong cặp 3 dây
13	Chi cục Phát triển nông thôn	7	7	0	2016-2022	TL sắp xếp trong cặp 3 dây
14	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	41	0	41	2009-2016	TL bó gói
15	Chi cục Thủy sản	28	0	28	2016-2021	TL bó gói bỏ trong tủ
16	Chi cục Thủy lợi	80	10	70	2016-2021	TL bó gói bỏ trong rương
17	Chi cục Quản lý chất lượng nguồn lợi Thủy sản	15,67	15,67	0	2016-2022	Bỏ trong cặp 3 dây
18	Sở Thông tin và Truyền thông	78	0	78	2008-2022	
19	Sở Nội vụ	177,6	47	130,6	2000-2022	TL bỏ trong tủ, rương sắt
20	Ban Thi đua khen thưởng	63	0	63	2007-2022	TL sắp xếp gọn trong tủ
21	Sở Khoa học và Công nghệ	16	9	7	2022	TL sắp xếp gọn gàng
22	Sở Tư pháp	17,5	0	17,5	2022	Nguyên vẹn
23	Sở Giao thông, Vận tải	133	0	133		TL để trong cặp hộp
24	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	70	70	0	2021-2022	
Tổng cộng		1.526,47	480,27	1.046,2		

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số tài liệu tồn đọng bảo quản tại cơ quan, đơn vị	Chia ra		Năm tài liệu	Tình trạng tài liệu
			Đã chỉnh lý sơ bộ	Chưa chỉnh lý (tài liệu rời lẻ)		
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP					
1	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	2	2	0		
2	Trường Cao đẳng Văn hóa, thể thao và Du lịch Nguyễn Du	3	2	1	2022	Nguyên vẹn
3	Trường Cao đẳng Nghề Việt Đức	4	2	2		
4	Trường Cao đẳng Y tế	30	26	4	1994-2021	Nguyên vẹn
5	BQL sắt Thạch Khê	60,5	0	60,5	2007-2022	TL bỏ cặp file, cặp 3 dây
Tổng cộng		99,5	32	67,5		
III	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI – NGHỀ NGHIỆP					
1	Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật	0,3	0	0,3		
2	Liên minh Hợp tác xã	1,75	1,75	0	2009-2021	
3	Hội Người mù tỉnh	1,8	0,8	1	2019-2021	Sờn cong mép, một số TL úa vàng
4	Hội chữ thập đỏ tỉnh	1,25	0,25	1	2016-2022	
Tổng cộng		5,1	2,8	2,3		
IV	CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN					
1	Kho bạc Nhà nước tỉnh	108	0	108	2021-2022	
2	Cục Thuế tỉnh	36	36	0	2005	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số tài liệu tồn đọng bảo quản tại cơ quan, đơn vị	Chia ra		Năm tài liệu	Tình trạng tài liệu
			Đã chỉnh lý sơ bộ	Chưa chỉnh lý (tài liệu rời lẻ)		
3	Cục Thống kê tỉnh	7	5	2	2020-2022	Nguyên vẹn
4	Ngân hàng nhà nước	62	57	5	2005-2015	TL bỏ trong tủ, rương
Tổng cộng		213	98	115		
V	DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC					
1	Điện lực Hà Tĩnh	5	5	0	2020-2021	
2	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh	29	29	0		
Tổng cộng		34	34	0		
VI	UBND CẤP HUYỆN					
1	UBND huyện Vũ Quang	127	0	127	2011-2022	TL bó gói, tích đống
2	UBND huyện Đức Thọ	67,5	67,5	0	2018-2021	
3	UBND huyện Hương Sơn	11,267	8,517	2,75	2009-2022	Một số TL nhòe mực
4	UBND huyện Hương Khê	558	0	558	2019-2021	TL bó gói, tích đống
5	UBND thị xã Kỳ Anh	155	90	65	2015-2021	
6	UBND huyện Cẩm Xuyên	85,13	27,13	58	2016-2022	Nguyên vẹn
7	UBND thị xã Hồng Lĩnh	219	0	219	2019-2021	
8	UBND huyện Can Lộc	243,93	0	243,93	2019-2022	TL bó gói, tích đống

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số tài liệu tồn đọng bảo quản tại cơ quan, đơn vị	Chia ra		Năm tài liệu	Tình trạng tài liệu
			Đã chỉnh lý sơ bộ	Chưa chỉnh lý (tài liệu rời lẻ)		
9	UBND huyện Thạch Hà	231,2	112,85	118,35	2006-2022	Một số TL mục nát
10	UBND huyện Kỳ Anh	451	28.5	422.5	2015-2022	
11	UBND huyện Lộc Hà	85	0	85	2019-2021	Bó gói, tích đống
12	UBND huyện Nghi Xuân	234	63	171	2008-2022	
Tổng cộng		2.468,03	397,50	2.070,53		
Cộng chung (I + II + III + IV + V + VI)		4.346,10	1.044,57	3.301,53		